BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
THANH KHOẢN SUY YẾU, MỐC 1680 ĐIỂM ĐỐI MẶT THÁCH THỨC
04/11/2026

VN-Index	**1699.62 (-0.65%)**
693 Tr. cổ phiếu	13097.2 Tỷ VND (-30.00%)
HNX-Index	**251.42 (0.35%)**
37 Tr. cổ phiếu	513.7 Tỷ VND (-46.28%)
UPCOM-Index	**122.05 (0.08%)**
20 Tr. cổ phiếu	353.9 Tỷ VND (-42.70%)
VN30F1M	**1819.40 (0.08%)**
201,409 HD	OI: 32,265 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1699.6, giảm 11.1 điểm (-0.65%). VN30 tăng 2.2 điểm (+0.12%); HNXIndex tăng 0.9 điểm (+0.35%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số tiếp tục nối dài đà giảm. Dù độ rộng thị trường nghiêng về phía tăng giá, diễn biến này chủ yếu phản ánh nhịp hồi phục kỹ thuật sau phiên giảm mạnh hôm qua.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Tài nguyên Cơ bản: NKG (+3.4%), HSG (+3.9%), HPG (+4.2%) l Ngân hàng: STB (+2.3%), MSB (+2.9%), OCB (+4.4%) l Dịch vụ tài chính: FTS (+1.9%), HCM (+1.9%), VCI (+2.7%) l Du lịch và Giải trí: SCS (+1.2%), HVN (+3.7%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-6.5%), VIC (-3.3%), SCR (-2.9%) l Bảo hiểm: BVH (-5.9%), MIG (-1.0%) l Tiện ích: GAS (-2.1%), BWE (-1.4%) l Dầu khí: BSR (-3.0%), PVD (-1.4%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | HPG, STB, HVN, CTG, GVR - Chiều giảm | VIC, BSR, GAS, VPB, BVH.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 500 tỷ đồng, tập trung nhiều ở MBB, VCB, VIC, trong khi mua ròng HPG, SHB, VHM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** nối dài đà giảm, trong bối cảnh thanh khoản ở mức thấp cho thấy lực cầu bắt đáy chưa nhập cuộc. Dòng tiền tiếp tục phân hóa và chưa hình thành nhóm dẫn dắt rõ ràng. Về mặt kỹ thuật, chỉ báo MACD đã cắt xuống trở lại đường signal, cùng với RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình, củng cố tín hiệu suy yếu của động lượng ngắn hạn. Trước mắt, vùng 1680 điểm là hỗ trợ gần mà chỉ số có thể kiểm định trong các phiên tới. Nếu đánh mất ngưỡng này, VN-Index có nguy cơ lùi về vùng đáy tháng 7 quanh 1650 điểm. Ở chiều hồi phục, vùng 1750 - 1760 điểm hiện là kháng cự gần.
- **Đối với HNX-Index**, việc chỉ số mất mốc hỗ trợ 255 điểm cho thấy áp lực điều chỉnh đang chi phối. Đà giảm có thể mở rộng về khu vực hỗ trợ thấp hơn quanh 245 điểm. Ở chiều hồi phục, kháng cự gần hiện quanh 265 điểm.
- **Chiến lược:** Trong bối cảnh áp lực điều chỉnh còn chiếm ưu thế, NĐT nên ưu tiên chiến lược phòng thủ, hạn chế sử dụng margin và tránh mua đuổi khi tín hiệu phục hồi chưa được xác nhận. Có thể tận dụng nhịp hồi để cơ cấu lại danh mục, hạ tỷ trọng các cổ phiếu đã suy yếu, vi phạm ngưỡng cắt lỗ và chỉ nên ưu tiên nắm giữ các mã vẫn còn giữ được cấu trúc xu hướng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Phái sinh (trang 08)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,699.6	**-0.6%**	-3.5%	-2.2%	13,097.2	**-30.0%**	-6.0%	-31.9%	692.5	**-28.1%**	9.5%	-16.7%
HNX-Index	251.4	0.3%	-3.1%	-5.7%	513.7	**-46.3%**	-1.2%	-14.5%	36.9	**-48.8%**	0.3%	-6.2%
UPCOM-Index	122.1	0.1%	-3.2%	-3.1%	353.9	**-42.7%**	-64.2%	-41.7%	20.1	**-30.6%**	-57.1%	-47.1%
VN30	1,815.6	0.1%	-3.9%	-3.2%	7,621.9	**-32.9%**	7.4%	-25.8%	281.3	**-32.7%**	17.5%	-16.0%
VNMID	1,787.5	0.2%	-3.6%	-1.2%	4,508.5	**-25.6%**	-21.7%	-37.1%	279.9	**-24.1%**	-12.1%	-24.8%
VNSML	1,204.8	0.0%	-3.2%	-1.4%	682.0	**-31.9%**	-22.9%	-6.0%	55.2	**-31.8%**	-10.6%	-2.5%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	589.3	0.2%	-4.14%	-3.7%	4,747.9	**-29.4%**	-9.4%	-4.0%	227.9	**-34.0%**	-11.5%	-6.8%
Bất động sản	969.2	**-2.3%**	-2.75%	1.2%	1,895.4	**-29.0%**	-17.6%	-23.1%	115.8	**-14.4%**	-3.2%	3.5%
Dịch vụ tài chính	243.8	0.6%	-3.99%	-2.9%	1,498.2	**-21.9%**	0.1%	-6.5%	91.1	**-24.4%**	-1.1%	-5.4%
Công nghiệp	219.7	**-0.4%**	-6.17%	-4.9%	1,061.1	**-7.5%**	-6.3%	5.9%	35.4	**-27.3%**	-24.4%	-12.0%
Tài nguyên cơ bản	471.3	**3.7%**	0.67%	5.8%	908.0	**9.3%**	9.9%	45.9%	49.8	**2.3%**	8.6%	37.9%
Xây dựng - Vật Liệu	150.6	0.6%	-3.96%	0.5%	371.4	**-36.3%**	-21.7%	-18.1%	23.4	**-42.7%**	-21.9%	-18.5%
Thực phẩm	472.6	0.2%	-3.56%	-2.4%	597.2	**-47.7%**	-29.7%	-58.4%	25.2	**-15.2%**	4.1%	-15.0%
Bán Lẻ	1,390.8	0.2%	-3.45%	-1.9%	332.6	**-64.4%**	-52.1%	-47.4%	4.8	**-63.8%**	-51.8%	-43.7%
Công nghệ	301.7	0.4%	-8.68%	-17.9%	480.9	**-42.7%**	-29.1%	-4.4%	10.4	**-47.2%**	-26.6%	1.7%
Hóa chất	156.5	**1.2%**	-6.00%	-7.9%	193.6	**-56.3%**	-31.5%	-31.5%	10.8	**-44.4%**	-12.5%	-3.7%
Tiện ích	716.7	**-1.2%**	-3.44%	-3.5%	126.6	**-59.3%**	-47.0%	-45.6%	6.7	**-59.4%**	-38.2%	-37.8%
Dầu khí	103.6	**-2.2%**	-8.18%	-11.4%	318.4	**-30.2%**	-25.17%	-42.6%	13.4	**-27.1%**	-20.7%	-38.2%
Dược phẩm	372.6	**-0.8%**	-3.41%	-4.0%	34.9	**-32.0%**	-11.4%	-23.5%	2.4	**-18.6%**	1.3%	18.7%
Bảo hiểm	97.8	**-4.9%**	-6.81%	-15.3%	63.2	**-14.3%**	-11.5%	-12.1%	1.0	**-22.2%**	-14.1%	-18.0%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,699.6	-0.65%	-4.8%	11.4x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,491	-1.07%	18.4%	14.3x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	4,904	-3.78%	-43.3%	5.0x	0.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,068	-0.03%	-1.9%	14.5x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,624	-0.99%	-7.1%	8.5x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,608	-0.82%	-9.1%	16.7x	0.0x
Hang Seng	Hồng Kông	23,526	0.57%	-8.2%	11.8x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	63,082	-	25.3%	20.0x	2.7x
S&P 500	Mỹ	7,541	-0.51%	10.2%	25.8x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	51,984	0.41%	8.2%	22.7x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,700	-0.57%	7.7%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,137	-0.62%	6.0%	16.7x	2.4x
DXY		101.8	-0.11%	3.5%		
USDVND		25,762	-0.074%	-2.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

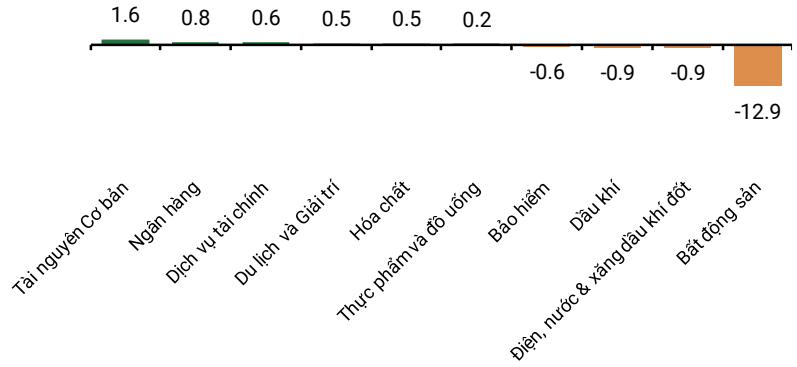
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	1.01%	3.5%	73.9%	63.1%
Dầu WTI	1.07%	7.0%	69.8%	59.7%
Khí gas	1.2%	-4.8%	-21.6%	-32.3%
Than cốc (*)	0.0%	-9.3%	34.7%	30.2%
Thép HRC (*)	-0.2%	-3.5%	-2.7%	-4.6%
PVC (*)	0.0%	8.9%	15.9%	13.1%
Phân Urea	0.0%	-1.4%	18.0%	9.7%
Cao su thiên nhiên	-1.2%	-4.8%	36.4%	43.5%
Bông Cotton	-0.2%	3.2%	20.6%	18.1%
Đường	-3.3%	-7.5%	22.8%	25.8%
World Container Index	0.0%	-0.1%	100.2%	143.2%
Baltic Dirty tanker Index	-2.6%	3.8%	418.2%	376.0%
Vàng	-0.94%	-5.6%	-9.5%	-2.3%
Bạc	-3.24%	-18.8%	-31.6%	1.9%

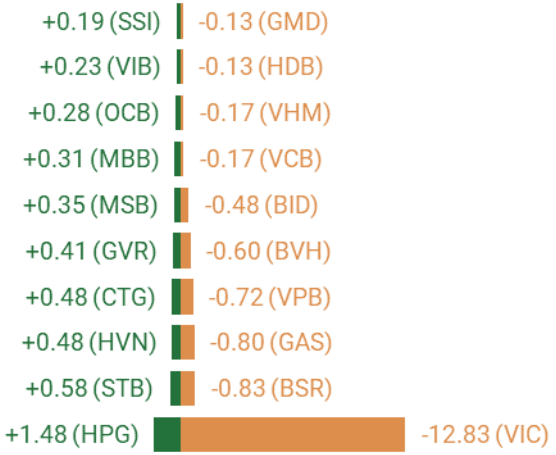
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

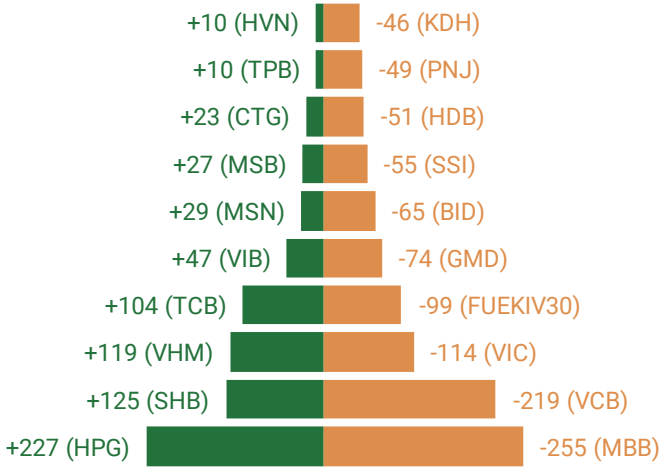
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



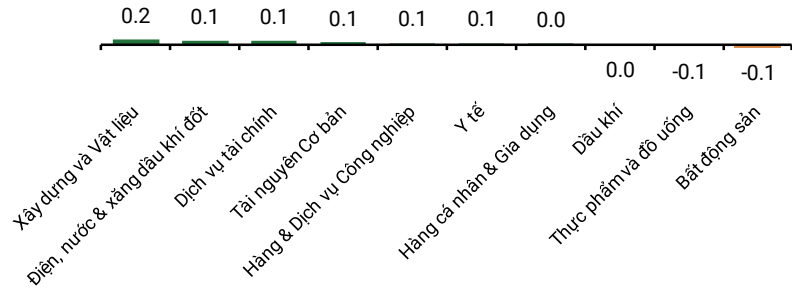
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



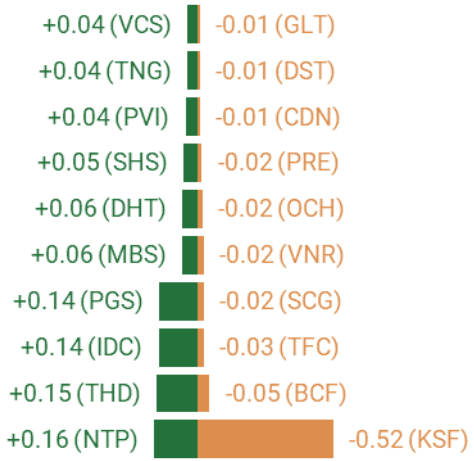
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



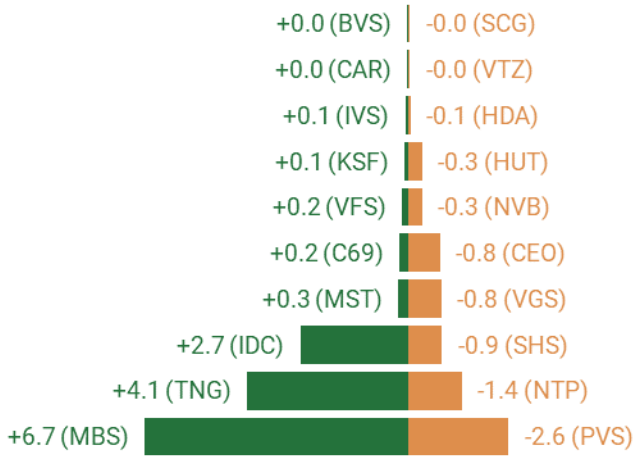
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



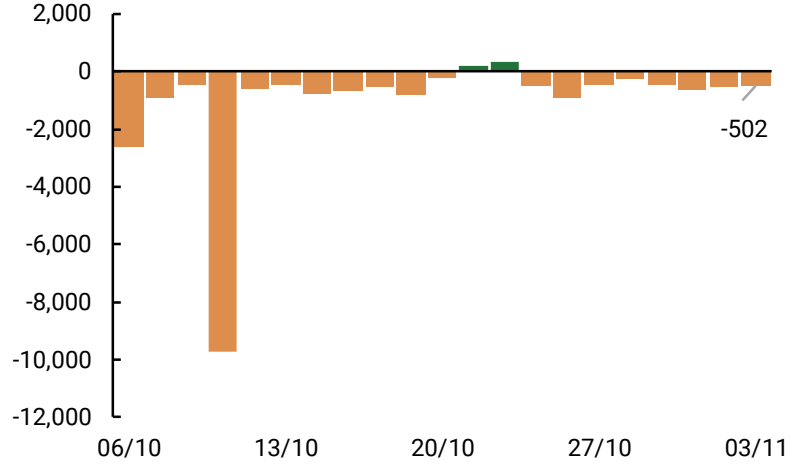
	HPG	VCB	FPT	SHB	VIC
%DoD	4.2%	-0.2%	0.4%	0.5%	-3.3%
Giá trị	684	479	468	455	454

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	GMD	STB	TCB	FUEKIV30
%DoD	0.6%	-2.0%	2.3%	0.0%	-3.3%
Giá trị	504	420	186	124	99

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



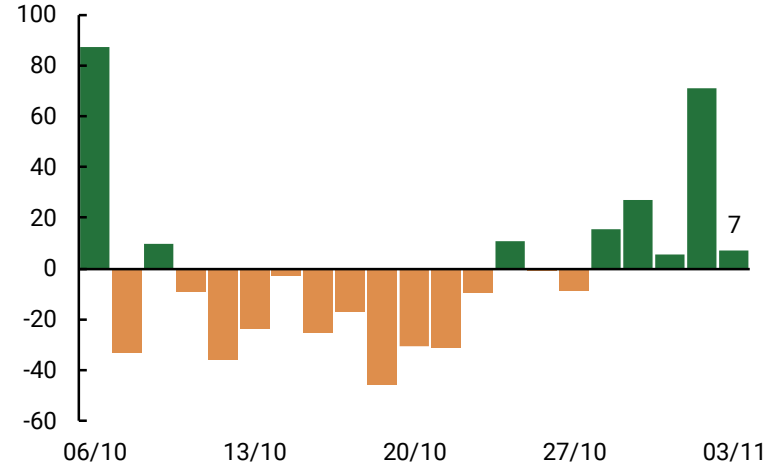
	SHS	HUT	MBS	CEO	VC3
%DoD	0.8%	0.0%	0.7%	0.9%	1.7%
Giá trị	86	59	51	47	44

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	S99	PCT	TIG	SCI
%DoD	0.8%	-1.4%	0.0%	0.0%	-1.4%
Giá trị	4	2	2	1	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ nối tiếp đà giảm, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1640 l 1680.
- ✓ Kháng cự: 1760 l 1820.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số đã mất mốc hỗ trợ quan trọng 1730 điểm, làm gia tăng khả năng kiểm định lại ngưỡng 1680 điểm. Nếu tiếp tục xuyên thủng vùng này, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 1640 – 1650 điểm. Ở chiều hồi phục, vùng 1750 – 1760 điểm hiện đóng vai trò là kháng cự gần. Các chỉ báo động lượng trở lại suy yếu, hàm ý áp lực điều chỉnh đang chiếm ưu thế.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1740 l 1800
- ✓ Kháng cự: 1870 l 1920.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số đã phá vỡ ngưỡng hỗ trợ quan trọng 1840 điểm, làm gia tăng khả năng kiểm định mốc tâm lý 1800. Hiện vận động đã áp sát khu vực này, phản ứng giằng co giữa cung cầu khả năng chi phối diễn biến các phiên tới. Nếu mốc 1800 tiếp tục bị phá vỡ, khu vực hỗ trợ thấp hơn cần chú ý quanh ngưỡng 1740 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	TCH	Mua	22/10/2026	-	12.0	11.85 - 11.95	0.4%	13.2	10.9%	11	-7.6%	
2	CTD	Mua	26/10/2026	-	65.5	65 - 66	0.0%	72	9.9%	61.5	-6.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- [Text here]

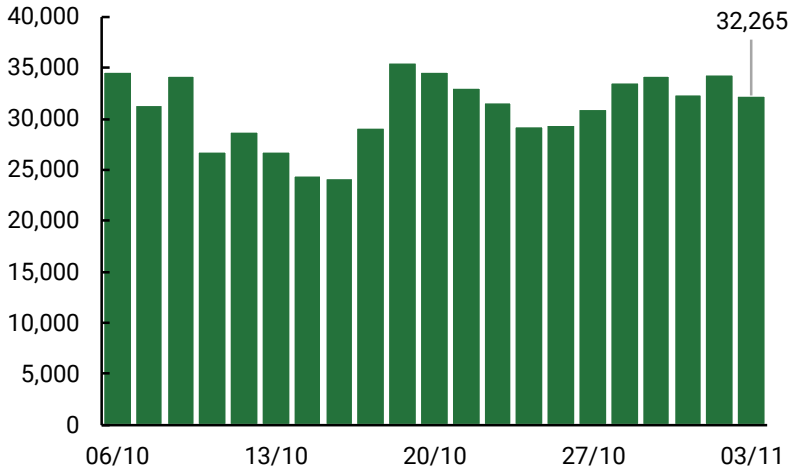
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1825	1839	1817	14 : 8
Short	< 1811	1799	1818	12 : 7
Short	< 1840	1825	1848	15 : 8

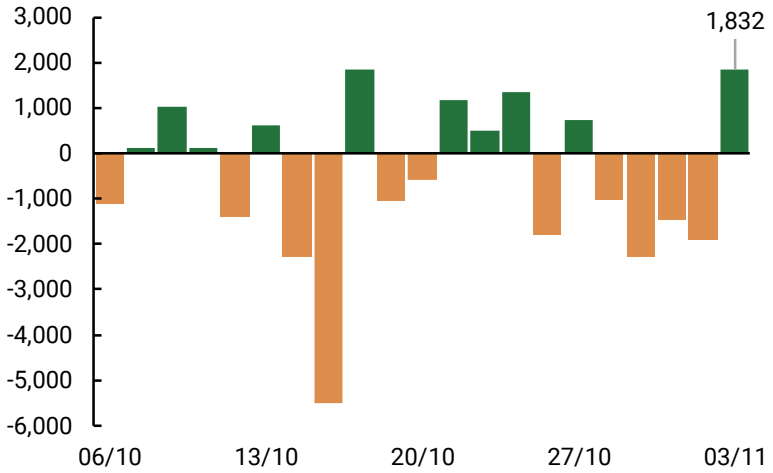
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,816.1	4.0	17	52	1,834.9	-18.8	17/06/2027	226
41I1H3000	1,817.2	0.1	42	350	1,827.1	-9.9	18/03/2027	135
41I1GC000	1,816.0	0.9	472	2,464	1,819.3	-3.3	17/12/2026	44
41I1GB000	1,819.4	1.4	201,409	32,265	1,817.0	2.4	19/11/2026	16
41I2GB000	1,731.4	-6.1	16	33	1,725.9	5.5	19/11/2026	16

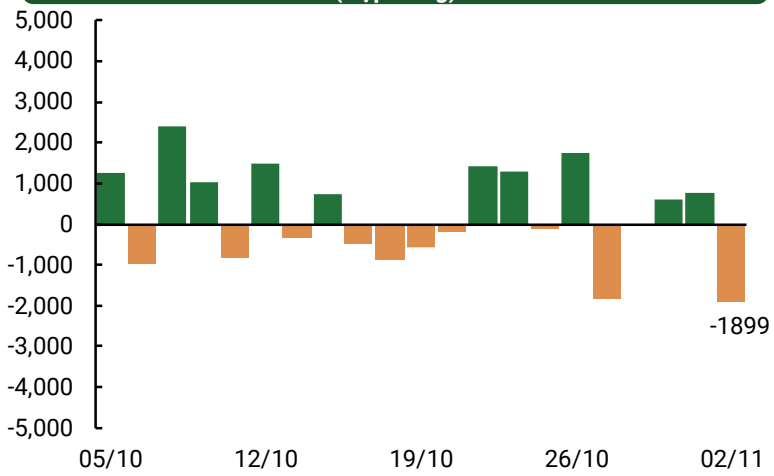
Khối lượng mở (Open interest)



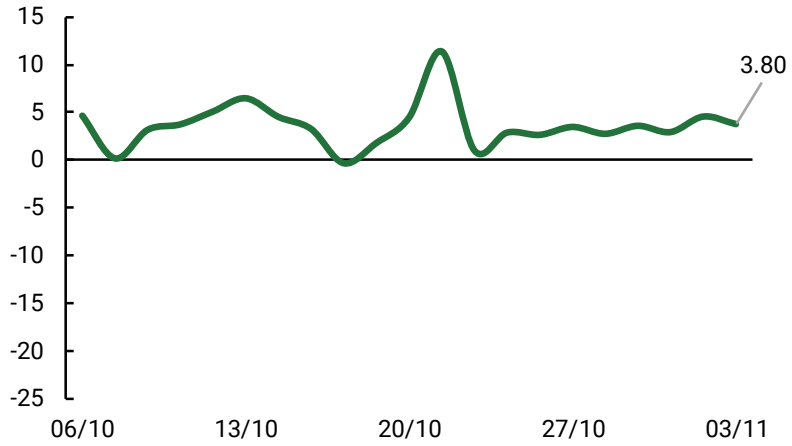
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



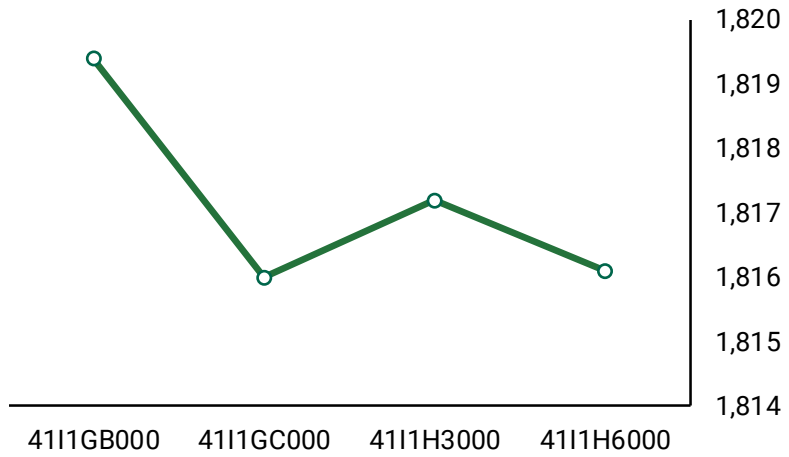
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



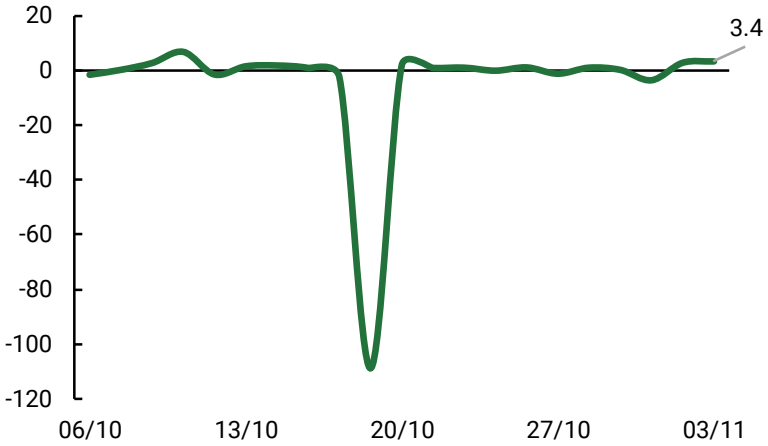
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	26,300	31,150	18.4%	Tăng tỷ trọng
CTD	65,500	79,600	21.5%	Mua
CTG	30,050	39,700	32.1%	Mua
DBD	45,150	56,700	25.6%	Mua
DDV	15,040	29,000	92.8%	Mua
DGW	38,400	48,300	25.8%	Mua
DHC	36,200	42,900	18.5%	Tăng tỷ trọng
DPG	30,900	42,900	38.8%	Mua
FRT	138,300	177,400	28.3%	Mua
GMD	49,700	62,600	26.0%	Mua
HAH	46,200	55,800	20.8%	Mua
HPG	21,250	28,700	35.1%	Mua
MBB	18,900	25,200	33.3%	Mua
MCH	133,500	148,500	11.2%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	72,300	108,800	50.5%	Mua
NT2	21,800	24,800	13.8%	Tăng tỷ trọng
POW	12,000	15,500	29.2%	Mua
PVT	20,800	26,000	25.0%	Mua
SSI	19,150	31,200	62.9%	Mua
TCB	21,400	26,200	22.4%	Mua
TCH	11,950	14,216	19.0%	Tăng tỷ trọng
TLG	53,900	59,700	10.8%	Tăng tỷ trọng
VCB	53,500	72,100	34.8%	Mua
VPB	21,200	29,500	39.2%	Mua

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

02/11	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – PMI
03/11	Việt Nam – Số liệu KT-XH tháng 10
04/11	Mỹ – Kết quả bầu cử giữa kỳ
06/11	Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
10/11	Mỹ – Chỉ số CPI
12/11	MSCI – Công bố kết quả review chỉ số
13/11	Mỹ – Chỉ số PPI
16/11	Trung Quốc – SXCN, Doanh số bán lẻ
19/11	Mỹ – Biên bản FOMC, KQKD Nvidia Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
20/11	Trung Quốc – Lãi suất LPR
25/11	Mỹ – GDP Q3 lần 2, Chỉ số PCE
30/11	Trung Quốc – PMI tháng 11 MSCI – ETF cơ cấu danh mục

THÔNG TIN VĨ MÔ

CPI 10 tháng tăng 4.57% YoY, lạm phát cơ bản tăng 4.24%: Theo Cục Thống kê, CPI tháng 10 tăng 0.2% MoM và 5.09% YoY; bình quân 10 tháng tăng 4.57%, lạm phát cơ bản tăng 4.24%. Nhóm giao thông tăng mạnh nhất với 2.66%, chủ yếu do giá xăng trong nước tăng 6.86%. Ở chiều ngược lại, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0.24%, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0.87%.

FDI đăng ký 10 tháng đạt 54.85 tỷ USD, cao nhất từ năm 2009; IIP tăng 12.4%: Theo báo cáo kinh tế - xã hội công bố ngày 3/11, vốn FDI đăng ký 10 tháng tăng 74% YoY, trong đó vốn cấp mới 30.73 tỷ USD, gấp 2.2 lần cùng kỳ. Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng tăng 12.4% YoY, mức cao nhất cùng kỳ giai đoạn 2019–2026; riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13%.

Giá dầu thế giới giảm mạnh trong phiên 2/11 trước kỳ vọng đàm phán Mỹ - Iran: Tổng thống Iran cho biết Lãnh tụ Tối cao đã trao cho chính phủ một số thẩm quyền để đàm phán hòa bình; các nhà trung gian Qatar tới Tehran để thảo luận về khả năng đạt thỏa thuận giữa Mỹ và Iran. Tuy nhiên, rủi ro gián đoạn nguồn cung và các cuộc tấn công nhằm vào tàu chở dầu vẫn là yếu tố có thể đẩy giá tăng trở lại.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VCB - Vietcombank được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm tối đa 5,431 tỷ đồng: NHNN chấp thuận Vietcombank tăng vốn qua phát hành riêng lẻ tối đa 6.5% số cổ phiếu lưu hành, khoảng 543.1 triệu cổ phiếu, cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; vốn điều lệ dự kiến tăng từ 83,557 tỷ đồng lên khoảng 88,988 tỷ đồng. Tại ĐHĐCĐ 2026, Chủ tịch Vietcombank cho biết Mizuho sẽ tham gia đợt chào bán, mục tiêu hoàn tất trong năm 2026.

MSB - MSB được chấp thuận chào bán 936 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên tối đa 46,800 tỷ đồng: Ngày 28/10, NHNN chấp thuận MSB tăng vốn từ 37,440 tỷ đồng lên tối đa 46,800 tỷ đồng qua chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:25, giá dự kiến 10,000 đồng/cổ phiếu, tổng giá trị theo mệnh giá 9,360 tỷ đồng. Thời gian chào bán dự kiến trong quý 4/2026. Đây là đợt tăng vốn thứ hai của MSB trong năm.

FPT - FPT vận hành thử nhà máy kiểm thử chip công suất tối đa 300 triệu chip/năm: FPT đưa nhà máy Kiểm thử và Đóng gói chip bán dẫn tại KCN Yên Phong II-C, Bắc Ninh vào vận hành thử nghiệm giai đoạn 1, diện tích 1,600 m², trang bị 6 dây chuyền. Giai đoạn đầu tập trung kiểm tra chức năng, chất lượng và độ tin cậy của chip, phục vụ khách hàng trong nước và quốc tế. Nhà máy dự kiến triển khai đơn hàng kiểm thử đầu tiên cho một đối tác Hàn Quốc.

SBT - AgriS đạt doanh thu quý 1 niên độ 2026–2027 là 7,616 tỷ đồng, tăng gần 42% YoY: Quý 1 niên độ 2026–2027, AgriS đạt lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh gần 196 tỷ đồng (+5.4% YoY) và LNTT hơn 204 tỷ đồng (+0.45%). Mảng đường đạt doanh thu hơn 6,600 tỷ đồng (+36.5%), chiếm khoảng 87% tổng doanh thu, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng hơn 55%. Doanh thu nhóm nông sản đạt hơn 583 tỷ đồng, gấp 4 lần cùng kỳ.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801